

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẾN TRE Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2019/HS-PT
Ngày: 07-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thái S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thái S**, sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Trần Thị Cẩm L; vợ: Trần Thị Bé T và 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2019 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 05/02/2019, ông Lê Văn D (trú tại ấp B, xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre) điều khiển xe mô tô chở anh Vũ Đình T là con rể của ông D lưu thông trên đường lộ K20 theo hướng từ Trại giam C đến thị trấn Giồng Trôm. Khi đến khu vực chợ B thuộc ấp B, xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, ông D điều khiển xe vượt qua xe mô tô do Lê Thái S điều khiển. Cùng lúc này, S nhìn thấy T nhìn S nên S cho xe vượt lên ngang với xe ông D và nói “Tôi chạy xe như vậy có ý kiến gì không mà nhìn dứ vậy bạn”. Ông D cho rằng S nhỏ tuổi mà xưng hô là “Bạn” nên ông dừng xe lại, cùng lúc này S cũng dừng xe lại.

Trong lúc nói chuyện ông D và S có xảy ra cự cãi với nhau. Anh T gỡ mũ bảo hiểm đang đội trên đầu xông đến đánh nhiều cái vào mặt và đầu của S, vừa lúc này anh Lê Trung Th là con ông D đi ngang nhìn thấy nên vào can ngăn không cho T đánh S nữa. Sau khi được can ngăn, S không đi về mà dùng tay trái lấy con dao xếp trong túi quần ra xông vào đánh T. Ông D thấy vậy nên tiến về phía S để can ngăn thì bị S dùng dao đâm trúng vào vùng bụng bên phải, ông D xoay lưng bỏ chạy thì S tiếp tục dùng dao đâm tiếp nhát thứ hai làm dao dính trên vai phải của ông D.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) con dao xếp, chiều dài con dao 25,5cm, nơi rộng nhất của con dao là 4,3cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, chiều dài lưỡi dao 12cm, lưỡi dao sắc bén, mũi dao nhọn; cán dao bằng kim loại màu trắng bên ngoài cán dao có ốp hai miếng gỗ màu nâu, trên cán dao có hai nút bằng kim loại màu hắc hình tròn; lưỡi dao gập được vào trong cán dao; trên lưỡi và cán dao có dính nhiều vết màu nâu do anh Lê Trung Th giao nộp. 01 (một) cái áo sơ mi màu hắc, tay dài, toàn thân áo có dính nhiều vết màu nâu, tà áo phía dưới, trước bên phải có vết rách sát gọn kích thước 4cm x 01cm, thân áo bị cắt nhiều nơi, phần vai áo bên phải bị cắt mất khỏi áo do anh Vũ Đình T giao nộp.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 80-319/TgT ngày 22/3/2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre kết luận ông Lê Văn D bị: vết thương bụng vùng hố chậu phải kích thước 03cm x 01cm thấu vào ổ bụng phôi ruột non, thủng 02 lỗ, mỗi lỗ kích thước 2,5cm x 01cm, thủng mạc treo ruột non 01 lỗ; vết thương vai phải kích thước 03cm x 01cm đã lành sẹo. Các vết thương do vật sắc nhọn gây ra và xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 53%.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HSST ngày 03-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tuyên bố bị cáo Lê Thái S phạm “Tội cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thái S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2019. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2019, bị cáo Lê Thái S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm; xử phạt bị cáo Lê Thái S 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối hận, biết lỗi lầm của mình, xin hđxx giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: vì nguyên cơ nhỏ nhất là giữa bị cáo và bị hại D có cự cãi nhau mà bị cáo đã dùng một con dao xếp đâm vào vùng bụng và vai của ông D làm ông D bị tổn thương cơ thể do thương tích là 53%. Mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông D chưa đến 61% nhưng bị cáo đã sử dụng dao xếp thuộc loại hung khí nguy hiểm và hành vi có tính chất côn đồ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn và sổ khám bệnh, đơn thuốc của mẹ bị cáo đang bị bệnh trầm cảm. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự là đã có xem xét chiều cố giảm nhẹ đáng kể trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên hình phạt tù để bị cáo thi hành mới đủ sức giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo hướng giảm hình phạt là chưa đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thái S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2019.

[2] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo Lê Thái S phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (3b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Công an huyện Giồng Trôm (1b);
- NTG Công an huyện Giồng Trôm + bị cáo (2b);
- (y/c NTG tổng đạt cho bị cáo 1b)
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã C, huyện Giồng Trôm (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn